

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 96/2024/DS-ST
Ngày: 23 / 9 / 2024
V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Vũ và bà Bùi Thị Phương Tâm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Ngọc Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Bích Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 307/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 228/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 150/2024/QĐST-DS ngày 05/9/2024, giữa:

Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn M; địa chỉ trụ sở: lầu 5, khối E, Tòa nhà C, số B C, phường A, Quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Hà Phương Hồng T, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 2001, là đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền số 7255A/2024/CĐ-AG-/GalaxyDT ngày 24/7/2024);

Bị đơn: Bà Lê Thị Tú T2, sinh năm 1996; địa chỉ: tổ G, khóm B, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Thị Thu T1 vắng mặt và có đơn xét xử vắng mặt; bà Lê Thị Tú T2 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 06/4/2017, bà Lê Thị Tú T2 có ký Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20170406-0004049 với Công ty M để vay số tiền 37.275.000 đồng; lãi suất vay 68%/năm; mục đích vay: mua xe hai bánh; thời hạn vay 24 tháng. Khi vay bà T2 có ký hợp đồng thế chấp tài sản nhằm bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, tài sản thế chấp là xe máy nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát 67E1-268.44.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T2 đã trả được số tiền 63.974.000 đồng thì ngưng, từ ngày 26/4/2019 đến nay không thực hiện đúng cam kết về việc trả nợ gốc, lãi và các phí phí khác mặc dù đã được nhắc nhở nhiều lần, hiện còn nợ vốn gốc là 4.763.340 đồng.

Ngày 30/3/2021, khoản nợ của bà T2 được Công ty M chuyển nhượng cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn M theo hợp đồng mua bán nợ số VPBFC-GALAXY-21-0003. Do đó, Công ty Trách nhiệm hữu hạn M khởi kiện yêu cầu bà T2 phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc còn lại là 4.763.340 đồng.

Ngày 05/9/2024, đại diện theo ủy quyền của Công ty Trách nhiệm hữu hạn M có yêu cầu bà T2 trả vốn gốc còn nợ 4.763.340 đồng; không yêu cầu trả lãi và chi phí phát sinh, không yêu cầu duy trì Hợp đồng thế chấp.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20170406-0004049 ngày 06/4/2017; hợp đồng mua bán nợ số VPBFC-GALAXY-21-0003 ngày 30/3/2021 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bị đơn bà Lê Thị Tú T2 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành do bị đơn vắng mặt.

Tại phiên tòa,

- Chủ tọa công bố lại lời khai của nguyên đơn.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự chấp hành đúng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự nên đảm bảo được quyền, nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự đúng quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng, thỏa thuận vay nợ giữa Công ty M với bà Lê Thị Tú T2 được

xác lập trên cơ sở tự nguyện, có lập hợp đồng, phù hợp quy định pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ. Việc Công ty M có thỏa thuận chuyển giao quyền yêu cầu đối với khoản nợ của bà T2 sang cho Công ty TNHH M mua bán nợ Galaxy là phù hợp quy định pháp luật, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T2. Quá trình thực hiện hợp đồng bà T2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bên cho vay nên việc Công ty TNHH M khởi kiện yêu cầu bà T2 trả một lần số tiền vốn gốc còn nợ 4.763.340 đồng là có căn cứ, không yêu cầu trả lãi là có lợi cho bị đơn nên ghi nhận.

Đối với việc Công ty TNHH M không yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp tại văn bản trình bày ý kiến của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ngày 05/9/2024 nên không xem xét, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đề nghị căn cứ các Điều 100 và 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024; các Điều 244, 365, 450, 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc bà Lê Thị Tú T2 có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH M số tiền vốn gốc còn lại 4.763.340 đồng; đình chỉ đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

** Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty TNHH M khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ vay nên đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn đang cư trú trên địa bàn thành phố C nên yêu cầu kiện của Công ty thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

** Về nội dung:*

[3] Về quyền khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 06/4/2017, giữa Công ty M với bà Lê Thị Tú T2 xác lập Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 20170406-0004049 . Đến ngày 30/3/2021, khoản nợ của bà T2 được Công ty M chuyển nhượng cho Công ty TNHH M theo hợp đồng mua bán nợ số VPBFC-GALAXY-21-0003. Việc Công ty M chuyển giao quyền yêu cầu cho Công ty TNHH M mua bán nợ G không làm ảnh

hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T3, phù hợp với quy định tại Điều 365, 450 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, Công ty TNHH M có quyền khởi kiện yêu cầu bà T2 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[4] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng tín dụng:

Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20170406-0004049 ngày 06/4/2017 giữa Công ty M với bà Lê Thị Tú T2 được ký kết trên cơ sở tự nguyện hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng được ký kết.

Về thực hiện hợp đồng, trên cơ sở Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20170406-0004049 ngày 06/4/2017, bà T2 được Công ty M cho vay số tiền 37.275.000 đồng. Sau khi vay, bà T2 đã trả được số tiền vốn lãi 63.974.000 đồng và không tiếp tục thanh toán theo hợp đồng từ ngày 26/4/2019. Ngày 30/3/2021, khoản nợ của bà T2 đã được chuyển nhượng cho Công ty TNHH M nên tính đến ngày 05/9/2024, bà T2 còn nợ Công ty TNHH M nợ Galaxy vốn gốc còn lại là 4.763.340 đồng.

[5] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Theo đơn khởi kiện Công ty TNHH M yêu cầu bà T2 trả nợ gốc còn lại là 4.763.340 đồng; trong trường hợp bà T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp là xe máy nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát 67E1-268.44; phải chịu mọi chi phí phát sinh trong quá trình giải quyết. Tại đơn trình bày ý kiến ngày 05/9/2024, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bà T2 trả nợ gốc còn lại là 4.763.340 đồng, không yêu cầu trả lãi và chi phí phát sinh, không yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp.

Xét, việc Công ty TNHH M rút lại yêu cầu trả chi phí phát sinh, duy trì hợp đồng thế chấp xe máy nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát 67E1-268.44 đối với bà Lê Thị Tú T2 là tự nguyện, không trái quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M.

Do bà T2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Công ty TNHH M khởi kiện yêu cầu bà T2 trả vốn gốc còn lại là phù hợp với nội dung hợp đồng tín dụng đã ký kết quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M, buộc bà Lê Thị Tú T2 trả cho Công ty TNHH M nợ Galaxy vốn gốc còn lại là 4.763.340 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Tú T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho Công ty TNHH M là 300.000 đồng.

Công ty TNHH M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho Công ty TNHH M số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 244, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 365, 450, 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 100 và 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M đối với bà Lê Thị Tú T2 về việc yêu cầu bà T2 trả chi phí phát sinh, duy trì hợp đồng thế chấp xe máy nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát 67E1-268.44.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M.

Buộc bà Lê Thị Tú T2 trả cho Công ty TNHH M nợ Galaxy vốn gốc còn lại 4.763.340 đồng (bốn triệu, bảy trăm sáu mươi ba nghìn, ba trăm bốn mươi đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Tú T2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn M số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0003699 ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

4. Về quyền kháng cáo:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn M, bà Lê Thị Tú T2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Ngọc